

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/KDTM-PT
Ngày 04-7-2018
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Trần Thu Hương
Ông Cao Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 547/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 611/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn D Việt Nam; địa chỉ trụ sở: Số 36 ngõ 254 TT, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

Bà Vũ Thị Phương L, sinh năm 1977; địa chỉ: Phòng 1601-CT1B2 Khu đô thị X, phường P, quận HĐ, thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 5 năm 2018); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gốm xây dựng Đ; địa chỉ trụ sở: Cụm Công nghiệp GM, xã GM, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; vắng mặt.

Bà Phạm Thị N, địa chỉ: Xã H, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (theo giấy ủy quyền ngày 13 tháng 7 năm 2016).

- *Người kháng cáo*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gốm xây dựng Đ là bị đơn.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D Việt Nam (viết tắt là Công ty D) và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Gốm xây dựng Đ (viết tắt là Công ty Đ) có ký một số hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể: Hợp đồng mua bán số 014 ngày 13 tháng 6 năm 2011, Hợp đồng mua bán số 013 ngày 15 tháng 5 năm 2012, Hợp đồng mua bán số 1236 ngày 26 tháng 9 năm 2012, Hợp đồng mua bán số 208 ngày 01 tháng 02 năm 2013 (viết tắt là Hợp đồng số 014, Hợp đồng số 013, Hợp đồng số 1236, Hợp đồng số 208) và các lần giao dịch mua bán thông qua fax, điện thoại và mail (viết tắt là các giao dịch không lập bằng văn bản). Theo đó Công ty D đã bán cho Công ty Đ dây đai nhựa; máy đóng dây đai nhựa; phụ tùng thay thế, sửa chữa máy đóng dây đai. Số tiền bán hàng của 4 hợp đồng bằng văn bản là 638.146.025 đồng, số tiền bán hàng của các giao dịch không lập bằng văn bản là 432.450.225 đồng, cộng thành 1.070.596.250 đồng; Công ty Đ đã thanh toán được 740.064.051 đồng, số tiền còn nợ lại của 4 hợp đồng và các giao dịch qua email, fax, điện thoại... là 330.532.199 đồng.

Quan điểm của nguyên đơn là Công ty D:

Ngày 23 tháng 01 năm 2013 các bên đã làm việc, lập biên bản đối chiếu công nợ, số tiền thanh toán lần cuối của các giao dịch không bằng văn bản ngày 27 tháng 12 năm 2013. Nguyên đơn không tranh chấp hợp đồng, việc trước đây Tòa án xác định và giải quyết tranh chấp hợp đồng là không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc Công ty Đ phải trả số tiền nợ mua hàng còn thiếu là 330.532.199 đồng, không yêu cầu thanh toán lãi đối với số tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả.

Quan điểm của bị đơn là Công ty Đ:

Công ty Đ thừa nhận số tiền hàng còn nợ như nguyên đơn nêu trên nhưng không đồng ý thanh toán, với lý do hóa đơn cuối cùng mà bên bán xuất cho bên mua là Hóa đơn số 919 ngày 10 tháng 7 năm 2013, theo thỏa thuận thì ngày 09 tháng 8 năm 2013 bên mua phải thanh toán hết tiền cho bên bán nhưng đến ngày 27 tháng 12 năm 2013 (ngày cuối cùng) mới thanh toán được tổng số tiền 740.064.051 đồng và còn nợ 330.532.199 đồng nên vụ án hết thời hiệu khởi kiện; mặt khác, nguyên đơn khởi kiện 04 hợp đồng, nhưng Tòa án đã giải quyết cả số tiền nợ ngoài 04 hợp đồng là giải quyết không đúng yêu cầu khởi kiện. Quan điểm của người đại diện hợp pháp của bị đơn là đề nghị Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khi giải quyết vụ án để đình chỉ vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chứng cứ thể hiện như sau: Hợp đồng số 014, Hợp đồng số 013, Hợp đồng số 1236, Hợp đồng số 208, các hóa đơn giá trị gia tăng, bảng tổng hợp vật tư, biên bản làm việc đối chiếu công nợ, các công văn trao đổi.

Quyết định cấp sơ thẩm: Tòa án nhân dân huyện TN áp dụng các Điều 256, 428 và 438 của Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 166 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 92, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Gốm xây dựng Đ phải thanh toán trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D Việt Nam số tiền 330.532.199 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, Công ty TNHH Gốm xây dựng Đ là bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TN, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử lại vụ án, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì công ty cho rằng đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đã hết thời hiệu khởi kiện chứ không phải là vụ án kiện đòi tài sản.

Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử lại vụ án, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì: Hội đồng xét xử đã chấp nhận thay đổi, bổ sung yêu cầu của nguyên đơn là nguyên đơn không tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản mà yêu cầu Công ty Đ trả số tiền nợ còn thiếu là đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; xác định sai quan hệ pháp luật vì khoản nợ này xuất phát từ việc thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai công ty chứ không phải tranh chấp đòi lại tài sản. Như vậy là không đúng với bản chất vụ án, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vì: Giữa Công ty D và Công ty Đ đã nhiều lần hợp tác làm ăn thông qua các hợp đồng mua bán hàng hóa. Cũng là bạn hàng nên giữa hai công ty có thể ký kết hợp đồng mua bán trực tiếp hoặc thông qua điện thoại, qua fax, email thì các bên đều chấp nhận và thực hiện hợp đồng. Khi thực hiện hợp đồng hai công ty không thực hiện theo tiến trình ghi theo từng hợp đồng mà hợp đồng này chưa hết đã thực hiện ký kết hợp đồng tiếp theo. Công ty D xuất hàng theo yêu cầu của Công ty Đ, nhưng khi thanh toán không thể hiện thanh toán cụ thể tiền hàng của hợp đồng nào. Đồng thời không thể xác định cụ thể thời điểm giao dịch giữa hai công ty thông qua email, điện thoại và thời điểm thanh toán cuối cùng cho các khoản nợ của các hợp đồng. Giữa hai bên đã thống nhất và ký biên bản đối chiếu công nợ, số tiền thanh toán lần cuối của các giao dịch ngày 27 tháng 12 năm 2013. Vì vậy công ty D đề nghị Công ty Đ thanh toán khoản tiền còn nợ Công ty D là 330.532.199 đồng theo đúng bản chốt công nợ ngày 23 tháng 01 năm 2013.

Bị đơn là Công ty Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung, căn cứ kháng cáo. Bị đơn cho rằng Tòa án thụ lý và giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đã hết thời hiệu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện TN áp dụng quy định pháp luật về thời hiệu. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm lại vụ án, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Nội dung kháng cáo của bị đơn trùng với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy Bản án kinh doanh thương mại số 04/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TN và đình chỉ giải quyết vụ án. Vì Tòa án nhân dân huyện TN đã thay đổi, bổ sung yêu cầu nguyên đơn và vi phạm về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp. Từ vi phạm đó dẫn tới việc không áp dụng thời hiệu khởi kiện không đình chỉ giải quyết vụ án dẫn đến ảnh hưởng quyền lợi của đương sự. Nội dung kháng cáo và quyết định kháng nghị là có căn cứ vì các lý do:

Bản án sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp. Nếu là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thì đã hết thời hiệu khởi

kiện còn nếu là kiện đòi tài sản thì không xác định thời hiệu theo quy định của pháp luật.

Xét về nội dung vụ án, trong đơn khởi kiện cũng như bản án sơ thẩm nhận định số tiền đang tranh chấp là số tiền nợ chưa thanh toán của các hợp đồng mua bán hàng hóa và một số lần đặt hàng qua điện thoại và email. Công ty Đ chưa trả đủ tiền hàng. Theo điều 3 Luật Thương mại năm 2015 thì bên mua thanh toán tiền cho bên bán là một khâu của hợp đồng mua bán hàng hóa. Nếu có tranh chấp thì phải là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định của Luật thương mại và thời hiệu khởi kiện là 2 năm. Hơn nữa nếu tòa sơ thẩm cho rằng đó là tranh chấp đòi lại tài sản thì theo Điều 668 của Bộ luật dân sự 2015 thì phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 quy định 4 trường hợp có quyền được đòi lại tài sản nhưng không quy định mua bán hàng hóa lại được quyền đòi lại tài sản. Nguyên đơn phải đòi lại hàng hóa chứ không phải là đòi tiền. Như vậy kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TN là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TN hủy Bản án sơ thẩm số 04/2016/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp tranh chấp kiện đòi tài sản phát sinh trong hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty D và Công ty Đ cụ thể Hợp đồng số 014, Hợp đồng số 013, Hợp đồng số 1236, Hợp đồng số 208 tổng giá trị hợp đồng là 683.146.025 đồng và các giao dịch qua điện thoại, fax, email có tổng giá trị là 432.450.225 đồng. Như vậy tổng số tiền hàng Công ty Đ mua của Công ty D là 1.070.596.250 đồng. Công ty Đ đã thanh toán cho D là 740.064.051 đồng và còn nợ lại 330.532.199 đồng.

[3] Khi thực hiện hợp đồng hai công ty không thực hiện theo tiến trình ghi theo từng hợp đồng mà hợp đồng này chưa hết đã thực hiện ký kết hợp đồng tiếp

theo. Công ty D xuất hàng theo yêu cầu của Công ty Đ, nhưng khi thanh toán không thể hiện thanh toán cụ thể tiền hàng của hợp đồng nào. Đồng thời không thể xác định cụ thể thời điểm giao dịch giữa hai công ty thông qua email, điện thoại và thời điểm thanh toán cuối cùng cho các khoản nợ của các hợp đồng. Việc này đã được hai bên thừa nhận qua Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty D với Công ty Đ vào ngày 23 tháng 01 năm 2013. Như vậy xác định hai bên đã chuyển khoản tiền Công ty Đ chưa thanh toán thành khoản nợ của Công ty Đ với Công ty D. Như vậy khi Công ty D kiện đòi tiền Công ty Đ sẽ không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn đều yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua bán hàng hóa còn thiếu phát sinh từ các hợp đồng kinh tế, mua bán vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh nêu trên; tại các hợp đồng mua bán và biên bản làm việc đối chiếu công nợ, thừa nhận nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây không phải là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và xác định lại quan hệ tranh chấp để giải quyết là tranh chấp về kiện đòi tài sản phát sinh trong hoạt động kinh doanh là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là có căn cứ.

[5] Về số tiền nợ: Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty D với Công ty Đ vào ngày 23 tháng 01 năm 2013; các lời khai của bị đơn thấy: Công ty D và Công ty Đ đều thống nhất và thừa nhận về số tiền nợ gốc Công ty Đ chưa thanh toán cho Công ty D. Đây là trường hợp không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D Việt Nam; buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Gốm xây dựng Đ phải thanh toán trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D Việt Nam số tiền mua bán hàng hóa còn thiếu 330.532.199 đồng là phù hợp với pháp luật và cần chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gốm xây dựng Đ và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi chậm trả và lãi suất thi hành án. Nên bản án sơ thẩm không tuyên về lãi suất chậm thi hành án là thiếu sót vì lãi suất thi hành án không phụ thuộc vào yêu cầu của đương sự mà phải theo quy định của Luật thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm về phần tuyên lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền chậm thi hành án.

[8] Về án phí: Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm bị sửa nên bị đơn không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 256, 428 và 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 166 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gốm xây dựng Đ và không chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Gốm xây dựng Đ phải thanh toán trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D Việt Nam số tiền 330.532.199 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, một trăm chín mươi chín đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng Thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công Thương, Ngân hàng Ngoại thương) tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo Án lệ số 09/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán- Tòa án nhân dân Tối cao.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Gốm xây dựng Đ phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 16.526.600 đồng (mười sáu triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng);

Trả lại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.200.000 đồng (tám triệu, hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số

0000045 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Gốm xây dựng Đ không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại Công ty Đ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008936 ngày 03 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện TN;
- TAND huyện TN;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà